TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân **:** 1/ Ông **Nguyễn Hữu Phúc**
2/ Bà **Trần Thị Tuyết Mai**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Cảnh** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Trà My**, KSV.

Ngày 29/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/12/ 2018 về việc " ly hôn" theo quyết định xét xử số 112/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Chị Đinh Thị D, sinh 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.
Bị đơn : Anh Trần Thanh T, sinh 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đinh Thị D trình bày:*

Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau năm 1998 và đăng ký kết hôn ngày 26/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C. Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống với nhau, hai người chung sống hạnh phúc thời gian, đến năm 2005 thì hai người phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh T là người chồng không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu và bạo hành đối với chị. Mặc dù chị đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẩn lại càng trầm trọng hơn, chị và anh T đã ly thân từ 2013 đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người tên Trần Thị Kim P, sinh ngày 28/01/1999 và Trần Thanh P1, sinh ngày 15/7/2005. Cháu P hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P1. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P1 trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, anh chị tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.372m2, tọa lạc tại Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01416 do Ủy ba nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 24/4/2006 cho hộ Trần Thanh T, sau khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi thửa đất trên, chị yêu cầu được nhận phần đất 1.186m2, giá trị ước tính là 80.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn :* Chị anh Trần Thanh T, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng anh đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 anh T vẫn vắng mặt.

* Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản sao, Giấy khai sinh 02 con, CMND, Sổ HK (bản sao chứng thực), đơn yêu cầu không hòa giải, bản tự khai của cháu P1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo); Tòa án thu thập: Biên bản xác minh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị D với anh Trần Thanh T, giao con chung tên Trần Thanh P1, sinh ngày 15/7/2005 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động; chia cho chị D phần đất có diện tích 1.186m2 tọa lạc tại ấp Mỹ Thạnh,, xã B, thị xã C, Tiền Giang; chị D, anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy đinh của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy trích lục kết hôn số 522/TLKH-BS ngày 20/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C và lời trình bày của chị Đinh Thị D thì anh chị D và anh Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, **c**ó đăng ký kết hôn ngày 26/7/2004 nên quan hệ giữa chị D, anh T được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị D xin ly hôn với anh T thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Toà án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị D và anh T từ khi chung sống đến nay đã có 02 con chung, trong thời gian chung sống cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh T là người

chồng không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu và bạo hành đối với chị. Mặc dù chị đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn, chị và anh T đã ly thân từ 2013 đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 02 người tên Trần Thị Kim P, sinh ngày 28/01/1999 và Trần Thanh P1, sinh ngày 15/7/2005. Cháu P hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P1. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P1 trưởng thành và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị D phù hợp với nguyện vọng của cháu P1 nên chấp nhận, về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị D yêu cầu chia đôi tài sản chung là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.372m2, tọa lạc tại Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01416 do Ủy ba nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 24/4/2006 cho hộ Trần Thanh T, chị yêu cầu được nhận phần đất 1.186m2, giá trị ước tính là 80.000.000 đồng. Yêu cầu này đảm bảo quyền lợi của các bên nên chấp nhận. Tuy nhiên qua đo đạc thực tế thì phần đất chị D yêu cầu nhận là 1.185,9m2 nên giao cho chị D diện tích 1.185,9m2.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Chị D, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản theo quy định của pháp luật. (Lấy giá đất do đương sự ước tính chung cho thửa đất là 160.000.000 đồng làm căn cứ tính án phí chia tài sản).

- Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị D.

Chị Đinh Thị D được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh P1, sinh ngày 15/7/2005 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P1 trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chia cho chị D diện tích đất là 1.185,9m2; Chia cho anh T diện tích đất 1.186m2 theo thửa đất số 123, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.372m2, tọa lạc tại Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01416 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 24/4/2006 cho hộ Trần Thanh T.

* Phần đất chị D có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp đất Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Văn Bảy;

+ Nam giáp đất Trần Thanh T.

+ Tây giáp đất bà Dương Thị Hồi

+ Đông giáp đất bà Đặng Thị Lắng.

* Phần đất anh T có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp đất Đinh Thị D;

+ Nam giáp đất Huỳnh Văn Trung, Lê Thị Huệ.

+ Tây giáp đất bà Dương Thị Hồi

+ Đông giáp đất bà Đặng Thị Lắng.

(Kèm theo bản vẽ thực tế là diện tích 2.371,9m2).

Chị Đinh Thị D và anh Trần Thanh T được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và 4.000.000 đồng án phí chia tài sản. Anh Trần Thanh T phải chịu 4.000.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị D đã nộp 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001957 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên phải nộp tiếp 2.000.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Chị D, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Mỹ Hạnh Trung, TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng